TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Số: 15/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Sóc Trăng, ngày 22 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, giữa:

Nguyên đơn: ông Lê Quang T; Cư trú: đường T, khóm E, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: bà Châu Thị Kim N; Cư trú: đường T, khóm E, phường O, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Quang T và bà Châu Thị Kim N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: ông Lê Quang T và bà Châu Thị Kim N thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: ông Lê Quang T và bà Châu Thị Kim N trình bày ông bà có 01 người con chung tên Lê Thị Gia H, sinh ngày 18/12/2011. Sau khi ly hôn, ông bà thống nhất giao con chung tên Lê Thị Gia H cho ông Lê Quang T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện nay cháu H đang sống cùng với ông Lê Quang T.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông T và bà N thống nhất, bà Châu Thị Kim N không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Châu Thị Kim N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Lê

Thị Gia H mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: ông Lê Quang T và bà Châu Thị Kim N trình bày tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: ông Lê Quang T và bà Châu Thị Kim N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng, ông Lê Quang T tự nguyện xin chịu toàn bộ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Trung đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000169 ngày 19/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Hoàn trả cho ông Lê Quang T số tiền tạm ứng án phí còn thừa 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND phường O,TPS;
- VKSND TPS;
- Chi cục THADS TPS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên